

Số: **37/2023/QĐST-HNGĐ**

Hàm Yên, ngày 20 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 355/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lương Thị A**, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị A và anh Trần Văn N.

Giấy trích lục kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 05/11/2015 cho chị Lương Thị A và anh Trần Văn N không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Trần Duy Q, sinh ngày 25/3/2015 cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Lương Thị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Duy Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/ tháng (Một triệu đồng trên một tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3 năm 2023 trở đi; phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng (mỗi tháng

một lần).

Chị Lương Thị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khoản tiền cấp dưỡng kể từ khi anh Trần Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lương Thị A chậm nộp thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Lương Thị A tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và phải chịu 150.000đ án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005804 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lương Thị A đã nộp đủ.

Anh Trần Văn N không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã B (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Hoàng Cao Tiến

